TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T THÀNH PHỐ H	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 169/2019/HNGĐ-ST Ngày 18-9-2019 V/v Tranh chấp về xác định cha cho con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Đông

Ông Phạm Văn Sóng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 550/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019 về việc "tranh chấp về xác định cha cho con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 150/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Trung N, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ B, phường T, quận K, thành phố H; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn S, xã L, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là anh Nguyễn Trung N trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H chung sống với nhau từ đầu năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận K, thành phố H hay tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố H. Quá trình chung sống với nhau giữa anh và chị H có một con chung thì phát sinh mâu thuẫn nên anh và chị H đã không sống chung từ năm 2017. Ngày 12/12/2016, chị H sinh một con trai tại Bệnh viện Phụ sản thành phố H, chị H đã đăng ký khai sinh cho con tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố H và đặt tên con là Nguyễn Trung M theo Giấy khai sinh số 172/2018 đăng ký ngày 11/10/2018. Do anh và chị H không có đăng ký kết hôn nên trong giấy khai sinh của con chỉ có họ tên của người mẹ là chị Nguyễn Thị H. Anh trực tiếp nuôi con từ khi anh và chị H không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nay anh đề nghị Tòa án xác định và công nhận anh là cha đẻ của con tên Nguyễn Trung M sinh ngày 12/12/2016.

Chị Nguyễn Thị H là bị đơn trong vụ án, cho đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai vẫn không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 89, khoản 2 Điều 101 và khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Xác định và công nhận anh Nguyễn Trung N là cha của cháu Nguyễn Trung M sinh ngày 12/12/2016 (Giấy khai sinh số 172/2018 đăng ký ngày 11/10/2018 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố H). Anh Nguyễn Trung N và cháu Nguyễn Trung M có quyền và nghĩa vụ giữa cha và con theo quy định của pháp luật. Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H theo quy định tại khoản 4 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là anh Nguyễn Trung N vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn là chị Nguyễn Thị H vắng mặt

không có lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn: Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu điều tra xác minh tại địa phương thể hiện anh N và chị H sống chung với nhau từ đầu năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn. Ngày 12/12/2016, chị H sinh một con trai và khai sinh cho con đặt tên là Nguyễn Trung M theo Giấy khai sinh số 172/2018 đăng ký ngày 11/10/2018 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố H, giấy khai sinh của con chỉ có họ tên của người mẹ. Tại Bản kết luận giám định về ADN số 72/2019/GĐSH ngày 29/7/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự, Công an thành phố H kết luận: Anh Nguyễn Trung N là cha đẻ của cháu Nguyễn Trung M với độ tin cậy PI > 99,99%. Vậy có căn cứ xác định anh Nguyễn Trung N là cha của cháu Nguyễn Trung M sinh ngày 12/12/2016, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 89, khoản 2 Điều 101 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Trung N là người yêu cầu xác định cha cho con chưa thành niên và có đơn đề nghị được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Nguyễn Trung N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 89, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm b khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Xác định anh Nguyễn Trung N là cha của cháu Nguyễn Trung M sinh ngày 12/12/2016 (Giấy khai sinh số 172/2018 đăng ký ngày 11/10/2018 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố H). Anh Nguyễn Trung N và cháu Nguyễn Trung M có quyền và nghĩa vụ giữa cha và con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Trung N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- VKSND huyện T, thành phố H;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã L, huyện T, thành phố H;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Vân